

Số: **61/2021/QĐST-HNGĐ**

Sơn Dương, ngày 11 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án số: 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nông Thị N**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S, tỉnh T.

Bị đơn: **Anh Triệu Văn C**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Nông Thị N** và **anh Triệu Văn C**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: **Giao cháu Triệu Quốc K**, sinh ngày 28/6/2018 cho **chị Nông Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. **Anh C** cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2021 đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi.

Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

“Khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi chị Nông Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Triệu Văn C chậm nộp thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.”

- Về tài sản chung: Chị Nông Thị N và anh Triệu Văn C đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Vay nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nông Thị N phải nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004097 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại chị N số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Triệu Văn C nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND thị trấn S
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bàn Văn Thế